



ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG, CẬN LÂM SÀNG VÀ KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN COVID-19 TẠI BỆNH VIỆN COVID SỐ 1 THÁI NGUYÊN

Nguyễn Thị Lệ*, Vũ Thị Minh Thu,
Mông Thị Mai Hương, Lê Thị Thanh Hoa
Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên
* Tác giả liên hệ: nguyenleytn@gmail.com

Tổng Biên tập:
TS. Nguyễn Phương Sinh

Ngày nhận bài:
12/7/2022
Ngày chấp nhận đăng bài:
02/3/2023

Ngày xuất bản:
31/12/2023
Bản quyền: © 2023
Thuộc Tạp chí Khoa học
và công nghệ Y Dược

Xung đột quyền tác giả:
Tác giả tuyên bố không
có bất kỳ xung đột nào về
quyền tác giả

Địa chỉ liên hệ: Số 284,
đường Lương Ngọc Quyến,
TP. Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên

Email:
tapchi@tnmc.edu.vn

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: COVID-19 là đại dịch toàn cầu và đang là vấn đề y tế nổi cộm hiện nay. Tại Bệnh viện COVID số 1 Thái Nguyên hiện nay đang thu nhận bệnh nhân COVID mức độ nhẹ và vừa nhưng chưa có nghiên cứu về vấn đề này do vậy chúng tôi thực hiện đề tài nhằm làm rõ hơn về triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị của bệnh nhân. **Mục tiêu:** Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, kết quả điều trị bệnh nhân COVID – 19 và xác định một số yếu tố liên quan đến kết quả điều trị của bệnh nhân COVID – 19 tại Bệnh viện COVID số 1 Thái Nguyên. **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả, thiết kế cắt ngang, nghiên cứu 196 bệnh nhân COVID-19 điều trị nội trú tại Bệnh viện COVID-19 số 1 Thái Nguyên. **Kết quả:** Tuổi gặp nhiều nhất là từ 18-60. Tuổi trung bình là $50,59 \pm 18,8$. Tỷ lệ mắc bệnh nữ nhiều hơn nam. Các bệnh nền hay gặp là tăng huyết áp (24,5%), bệnh hô hấp (16,2%), bệnh đái tháo đường (7,1%). Đa số bệnh nhân COVID-19 nhập viện có các biểu hiện của viêm long đường hô hấp trên như các bệnh hô hấp thông thường: Ho (82,7%), tức ngực (46,9%), đau rát họng (44,4%), đau người (32,1%), đau đầu (30,1%), chảy nước mũi (17,3%), ngạt mũi (16,3%), khó thở (15,3%). 186/196 bệnh nhân COVID-19 có kết quả điều trị khỏi bệnh chiếm 93,9%, 10 bệnh nhân nặng, chuyển tuyến (5,1%). Đa số bệnh nhân có xét nghiệm công thức máu trong giới hạn bình thường. Có 32,2%

bệnh nhân có nồng độ glucose máu cao. Có mối liên quan giữa tuổi, tiền sử bệnh nền và chỉ số SpO₂ của bệnh nhân với kết quả điều trị ($p < 0,05$). **Kết luận:** Đa số bệnh nhân COVID-19 nhập viện có các biểu hiện của viêm long đường hô hấp trên. Có mối liên quan giữa tuổi, tiền sử bệnh nền và chỉ số SpO₂ của bệnh nhân với kết quả điều trị.

Từ khoá: Lâm sàng; Cận lâm sàng; Kết quả điều trị; COVID-19; Thái Nguyên

CLINICAL, SUBCLINICAL CHARACTERISTIC AND RESULTS OF TREATMENT OF COVID-19 PATIENTS AT THAI NGUYEN NO.1 COVID HOSPITAL

**Nguyen Thi Le*, Vu Thi Minh Thu,
Mong Thi Mai Huong, Le Thi Thanh Hoa**

Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy

* Author contact: nguyenleytn@gmail.com

ABSTRACT

Background: COVID-19 is a global pandemic and is a prominent health problem today. At Thai Nguyen No. 1 COVID Hospital, currently treating light and moderate covid patients, but there is no research on this issue, so we conduct a topic to clarify the clinical and subclinical symptoms and results. patient outcomes. **Objectives:** Describe clinical, subclinical characteristics, treatment results of COVID-19 patients and determine some factors related to treatment outcomes of COVID-19 patients at COVID-19 Hospital in Thailand. Original. **Methods:** descriptive study, cross-sectional design, studying 196 COVID-19 patients inpatient treatment at Thai Nguyen No. 1 COVID-19 hospital. **Results:** The most common age is from 18-60. The mean age was 50.59 ± 18.8 . The incidence of the disease is higher in women than in men. Common underlying diseases were

hypertension (24.5%), respiratory disease (16.2%), diabetes (7.1%). The majority of hospitalized COVID-19 patients had symptoms of upper respiratory tract infection like common respiratory diseases: Cough (82.7%), chest tightness (46.9%), sore throat (44.4%), body pain (32.1%), headache (30.1%), runny nose (17.3%), stuffy nose (16.3%), difficulty breathing (15.3%) . 186/196 COVID-19 patients with cured results accounted for 93.9%, 10 severe patients, referred to hospital (5.1%). The majority of patients had blood counts within normal limits. There are 32.2% of patients with high blood glucose concentration. There is a relationship between the patient's age, background history and SpO2 index with treatment results ($p < 0.05$).
Conclusions: The majority of hospitalized COVID-19 patients had symptoms of upper respiratory tract infection. There is a relationship between the patient's age, background history and SpO2 index with treatment results

Keywords: Clinical; Subclinical; Treatment results; COVID-19; Thai Nguyen

ĐẶT VẤN ĐỀ

COVID - 19 là đại dịch toàn cầu và đang là vấn đề y tế nổi cộm hiện nay. Điều khiến dịch COVID-19 có tỷ lệ lây lan cao và khó hạn chế là thời gian ủ bệnh dài từ 2-14 ngày (CDC, 2020), nhiều bệnh nhân bị nhiễm ngay cả khi họ chưa có triệu chứng bệnh. Ngoài ra, dịch viêm phổi cấp COVID-19 được cho là phức tạp bởi theo báo cáo từ các tổ chức nghiên cứu, loại virus này tồn tại ở cả đường hô hấp trên và dưới và có khả năng tự sửa chữa lỗi khi đột biến. Bệnh có biểu hiện lâm sàng đa dạng từ các triệu chứng tương tự cảm cúm thông thường (81%) đến các bệnh cảnh lâm sàng nặng hơn như suy hô hấp, ARDS, nhiễm khuẩn huyết (5%), trong đó viêm phổi chiếm tỉ lệ 76,4% với tỉ lệ tử vong ước tính 2,3%⁹. Bệnh cảnh lâm sàng đa dạng làm cho việc chẩn đoán và điều trị gặp nhiều khó khăn. Tại Việt Nam, tính đến ngày 09/3/2022 tổng số Bệnh nhân COVID-19 là 4.580.000

người, trong đó có 36.114 trường hợp tử vong. Tại Bệnh viện COVID số 1 Thái Nguyên hiện nay đang thu nhận điều trị bệnh nhân COVID mức độ nhẹ và vừa nhưng chưa có nghiên cứu về vấn đề này do vậy chúng tôi tiến hành đề tài nhằm làm rõ hơn về triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, kết quả điều trị của bệnh nhân và xác định một số yếu tố liên quan đến kết quả điều trị. Do đó chúng tôi tiến hành đề tài nghiên cứu với 2 mục tiêu sau:

1. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị Bệnh nhân COVID – 19 tại Bệnh viện COVID số 1 Thái Nguyên.
2. Xác định một số yếu tố liên quan đến kết quả điều trị của Bệnh nhân COVID – 19 tại Bệnh viện COVID số 1 Thái Nguyên.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: Bệnh nhân COVID - 19 điều trị nội trú tại Bệnh viện COVID số 1 Thái Nguyên.

Tiêu chuẩn chọn: Bệnh nhân >18 tuổi, được chẩn đoán mắc Bệnh COVID-19 theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế¹, được chỉ định làm xét nghiệm cận lâm sàng.

Tiêu chuẩn loại trừ: Phụ nữ có thai hoặc bệnh nhân có tổn thương phổi trước khi được chẩn đoán mắc bệnh COVID-19 theo tiêu chuẩn của Bộ Y Tế hoặc phát hiện nhiễm các loại virus khác, vi khuẩn, nấm tại thời điểm chẩn đoán viêm phổi.

Địa điểm, thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu tại Bệnh viện COVID số 1 Thái Nguyên từ 01/2022- 10/2022.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả, thiết kế cắt ngang.

Cỡ mẫu nghiên cứu: Toàn bộ.

Phương pháp chọn mẫu: Chọn chủ đích 196 bệnh nhân mắc COVID-19 điều trị nội trú tại Bệnh viện COVID số 1 Thái Nguyên.

Chỉ tiêu nghiên cứu: Thông tin chung của bệnh nhân; Tiền sử bệnh nền; Triệu chứng toàn thân; Triệu chứng lâm sàng; Cận lâm sàng; Kết quả điều trị; Một số yếu tố liên quan đến kết quả điều trị.

Kỹ thuật thu thập số liệu: Thông tin bệnh nhân được thu thập theo một mẫu bệnh án nghiên cứu.

Phương pháp xử lý số liệu: Nhập liệu bằng phần mềm epi stada, xử lý bằng phần mềm SPSS.

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu được thông qua Hội đồng y đức Trường Đại học Y-Dược.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị của bệnh nhân nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của bệnh nhân nghiên cứu

Đặc điểm lâm sàng		n	%
Tuổi	18-60	133	67,9
	> 60	63	32,1
Giới	Nam	84	42,9
	Nữ	112	57,1
Tiền sử bệnh nền	Bệnh hô hấp	32	16,2
	Bệnh tim mạch	12	6,1
	Bệnh tăng huyết áp	48	24,5
	Bệnh đái tháo đường	14	7,1
	Bệnh khác	56	28,6

Kết quả Bảng 1 cho thấy: Bệnh nhân ở độ tuổi từ 18-60 chiếm tỷ lệ cao nhất (67,9%). Nữ giới chiếm tỷ lệ nhiều hơn nam (57,1% và 42,9%). Các bệnh nền hay gặp là bệnh tăng

huyết áp (24,5%), bệnh hô hấp (16,2%), bệnh đái tháo đường (7,1%), bệnh tim mạch (6,1%)

Bảng 2. Triệu chứng toàn thân của đối tượng nghiên cứu

Triệu chứng toàn thân	n	%
Mạch	< 60	0
	60-90	121
	>90	75
Nhiệt độ	< 37,5	165
	≥ 37,5	31
Huyết áp	Bình thường	137
	Tăng	59
Tần số thở	<16	1
	16-20	163
	>20	32
SpO2	≤ 94%	12
	> 94%	187

Kết quả Bảng 2 cho thấy: Có 38,3% bệnh nhân có mạch nhanh; 15,8% bệnh nhân có sốt, 30,1% bệnh nhân có tăng huyết áp; 16,3% bệnh nhân có tăng tần số thở; 6,1% bệnh nhân có SpO2 ≤ 94%.

Bảng 3. Triệu chứng lâm sàng của đối tượng nghiên cứu

Triệu chứng lâm sàng	n	%
Ho	162	82,7
Khó thở	30	15,3
Ngạt mũi	32	16,3
Chảy mũi	34	17,3
Tức ngực	92	46,9
Đau người	63	32,1
Đau rát họng	87	44,4
Đau đầu	59	30,1

Kết quả Bảng 3 cho thấy: Các triệu chứng lâm sàng gặp nhiều nhất là ho chiếm 82,7%, tức ngực chiếm 46,9%, đau rát họng chiếm 44,4%, đau người chiếm 32,1%, đau đầu chiếm 30,1%.

Bảng 4. Kết quả xét nghiệm công thức máu của đối tượng nghiên cứu

Chỉ số		n	%
WBC (G/L) (n=58)	< 4,0	5	8,6
	4,0 – 10,0	44	75,9
	> 10,0	9	15,5
RBC (T/L) (n=58)	< 3,8	3	5,2
	3,8 – 5,0	42	72,4
	>5,0	13	22,4
PLT (G/L) (n=58)	< 140	2	3,4
	140-350	52	89,7
	> 350	4	6,9
Glucose (mmol/l) (n=59)	<3,9	3	5,1
	3,9-6,4	37	62,7
	>6,4	19	32,2

Kết quả Bảng 4 cho thấy: Đa số các bệnh nhân có số lượng bạch cầu bình thường (75,9%), tỉ lệ Bạch cầu đa nhân trung tính tăng (62,1%), tỉ lệ Bạch cầu Lympho tăng (62,1%), số lượng hồng cầu bình thường (72,4%), số lượng tiểu cầu bình thường 32,2% bệnh nhân có nồng độ glucose máu cao.

Bảng 5. Kết quả điều trị COVID-19 của đối tượng nghiên cứu

Kết quả điều trị covid-19	n	%
Khỏi	186	93,9
Nặng chuyển tuyến	10	5,1

Kết quả Bảng 5 cho thấy: Đa số đối tượng nghiên cứu có kết quả điều trị là khỏi bệnh, chiếm 93,9%.

Một số yếu tố liên quan với kết quả điều trị COVID-19 của đối tượng nghiên cứu

Bảng 6. Mối liên quan giữa đặc điểm chung với kết quả điều trị COVID-19 của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm chung		Khỏi		Nặng chuyển tuyến		p
		n	%	n	%	
Tuổi	18-60	130	69,9	3	30,0	< 0,05
	>60	56	30,1	7	70,0	
Giới	Nam	81	43,5	3	30,0	> 0,05
	Nữ	105	56,5	7	70	
Tiền sử bệnh nền	Không có bệnh nền	20	10,8	4	40,0	< 0,05
	Có bệnh nền	166	89,2	6	60,0	

Kết quả Bảng 6 cho thấy: Có mối liên quan giữa tuổi, tiền sử có bệnh nền với kết quả điều trị. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Bảng 7. Mối liên quan giữa triệu chứng lâm sàng với kết quả điều trị COVID-19 của đối tượng nghiên cứu

Triệu chứng lâm sàng		Khỏi		Nặng chuyển tuyến		p
		n	%	n	%	
Mạch	Bình thường	117	62,9	4	40	> 0,05
	Nhanh	69	37,1	6	60	
Nhiệt độ	Bình thường	157	84,4	8	80,0	> 0,05
	Sốt	29	15,6	2	20,0	
Huyết áp	Bình thường	129	69,4	8	80,0	> 0,05
	Tăng	57	30,6	2	20,0	
Tần số thở	Bình thường	157	84,4	6	60,0	> 0,05
	Bất thường	29	15,6	4	40,0	
SPO2	≤ 94	9	4,8	3	30,0	< 0,05
	> 94	177	95,2	7	70,0	

Kết quả Bảng 7 cho thấy: Có mối liên quan giữa chỉ số SpO2 của bệnh nhân với kết quả điều trị. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

BÀN LUẬN

Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị Bệnh nhân COVID – 19 tại Bệnh viện Covid số 1 Thái Nguyên.

Kết quả nghiên cứu trên 196 bệnh nhân COVID-19 mức độ nhẹ và vừa tại Bệnh viện COVID số 1 Thái Nguyên cho thấy tuổi trung bình của bệnh nhân trong nghiên cứu là $50,59 \pm 18,8$, cao nhất 92 tuổi, thấp nhất là 18 tuổi, trong đó nhóm tuổi ≤ 60 chiếm đa số (67,9%). Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Gemin Zhang (2020)¹¹ với độ tuổi trung bình của bệnh nhân nhiễm COVID-19 trong nghiên cứu là 49 và trong đó có hơn 50% có độ tuổi từ 40-60. Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu ở trong độ tuổi từ 18-60 gấp 2 lần so với độ tuổi từ 60 trở lên. Độ tuổi từ 18-59 là độ tuổi lao động, gặp gỡ, tiếp xúc với nhiều người nên nguy cơ mắc COVID-19 cao hơn nhóm tuổi từ 60 trở lên.

Trong tổng số 196 bệnh nhân nhiễm COVID-19, nữ chiếm tỷ lệ cao hơn nam chiếm (57,1%; 42,9%). Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Trần Văn Giang (2021)⁴ với nam chiếm 46,1%, nữ chiếm 53,9%.

Trong nghiên cứu của chúng tôi các bệnh nền hay gặp là bệnh tăng huyết áp (24,5%), bệnh hô hấp (16,2%) và đái tháo đường (7,1%). Nghiên cứu này có kết quả tương tự với nghiên cứu của Hoàng Thị Lan Hương (2022) với bệnh tăng huyết áp (37,7%), đái tháo đường (18,3%), bệnh hô hấp (5,3%)⁶.

Đa số bệnh nhân có biểu hiện lâm sàng tương tự cảm cúm thông thường: Ho (82,7%), tức ngực chiếm 46,9%, đau rát họng chiếm 44,4%, đau người chiếm 32,1%, đau đầu chiếm 30,1%, chảy nước mũi chiếm 17,3%, ngạt mũi chiếm 16,3%, khó thở chiếm 15,3%. Những nghiên cứu khác cũng chỉ ra Bệnh nhân COVID-19 có các triệu chứng lâm sàng chủ yếu

ở cơ quan hô hấp. Theo Phạm Minh Tuấn, các triệu chứng lâm sàng bệnh nhân COVID-19 nặng, nguy kịch thường gặp bao gồm khó thở (56,0%), ho khan (37,6%), ho đờm (29,1%), đau họng (9,2%)⁸.

Kết quả từ Bảng 5 cho thấy đa số bệnh nhân bị mắc COVID-19 có số lượng bạch cầu bình thường là 75,9%, số bệnh nhân có bạch cầu tăng là 15,5%, tương ứng với kết quả của các nghiên cứu khác như: Nghiên cứu của Hoàng Thị Lan Hương có lượng bạch cầu bình thường là 49,7%, bạch cầu tăng là 42,3%⁶, của Phạm Minh Tuấn lần lượt là 51,1% và 41,1%⁸. Có thể thấy rằng ở bệnh nhân nhiễm COVID-19 thì bạch cầu thường ở mức bình thường. Tăng bạch cầu có thể là do tình trạng viêm cơ thể, virus SARS-CoV-2 tích tụ trong phổi gây ra phản ứng viêm toàn thân, dẫn đến thay đổi bệnh lý của các dấu hiệu tế bào máu ngoại vi, cuối cùng là rối loạn chức năng tim, gan, thận và tạo máu. Số lượng bạch cầu có thể giảm, bình thường nhưng chủ yếu là tăng để đáp ứng đối với phản ứng viêm cơ thể, giảm nặng bạch cầu chiếm 4,28% là nguy cơ gây nhiễm trùng nặng.

Có 15,5% bệnh nhân có hồng cầu tăng thấp hơn nghiên cứu của Nguyễn Đình Dũng 35,4% bệnh nhân có hồng cầu tăng³. Sự khác biệt này có thể do địa điểm nghiên cứu của chúng tôi là nơi thu nhận bệnh nhân ở mức vừa và nhẹ. Nghiên cứu chúng tôi cho thấy có 3,4% số bệnh nhân bị giảm tiểu cầu và 89,7% có lượng tiểu cầu bình thường. Tỷ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu của Hoàng Thị Lan Hương với số lượng tiểu cầu (Bình thường là 87,7%) giảm là 7,7%⁹, Phạm Minh Tuấn số lượng tiểu cầu (Bình thường chiếm 73%) giảm là 27%⁷, Nguyễn Đình Dũng có giảm tiểu cầu là 12,4%⁶. Tuy nhiên mức tiểu cầu bình thường của các nghiên cứu trên vẫn chiếm tỷ lệ cao.

Trong số 196 bệnh nhân mắc COVID-19 bệnh nhân có chỉ số Glucose tăng chiếm 32,2%. Kết quả ở những nghiên cứu khác: Hoàng Thị Lan Hương có chỉ số Glucose máu tăng ở 2 nhóm bệnh nhân nặng và nguy kịch lần lượt là 75,2% và

38,5%⁶, Nguyễn Đình Dũng bệnh nhân có tăng đường máu chiếm 44,6%³.

Một số yếu tố liên quan đến kết quả điều trị của Bệnh nhân Covid – 19 tại Bệnh viện Covid số 1 Thái Nguyên.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có mối liên quan giữa tuổi của bệnh nhân với kết quả điều trị. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Tuổi già đã được báo cáo là một trong những yếu tố nguy cơ quan trọng liên quan đến tử vong trong SARS và hội chứng hô hấp Trung Đông (MERS). Phân tích tổng hợp hiện đại đã xác nhận rằng tuổi cao (>65 tuổi) có liên quan đến tử vong ở bệnh nhân COVID-19. Các khiếm khuyết phụ thuộc vào tuổi trong chức năng tế bào B và tế bào T và việc sản xuất dư thừa các cytokine loại 2 có thể dẫn đến các phản ứng tiền viêm kéo dài và thiếu khả năng kiểm soát sự nhân lên của virus có khả năng dẫn đến tiên lượng không tốt ở bệnh nhân⁸. Ngoài ra, bệnh nhân cao tuổi thường kèm theo các yếu tố nguy cơ khác như bệnh nền, suy nhược cơ thể... cũng góp phần làm nặng thêm tình trạng chung của bệnh nhân.

Có mối liên quan giữa tiền sử bệnh nền với kết quả điều trị của bệnh nhân, những bệnh nhân có bệnh nền có tỷ lệ nặng, chuyển tuyến cao hơn bệnh nhân không có bệnh nền. Kết quả thu được tương tự như kết quả nghiên cứu của nhiều tác giả trong và ngoài nước khác. Hầu hết các nghiên cứu đều cho thấy rằng bệnh nhân lớn tuổi nhập viện vì Covid-19 có bệnh lý nền tăng huyết áp, khoảng một phần ba bị tiểu đường và hơn một nửa có bệnh tim mạch. Béo phì và đái tháo đường sẽ làm suy giảm hệ miễn dịch của cơ thể. Bên cạnh đó, mắc đái tháo đường làm tăng nguy cơ nhiễm trùng. Hầu hết bệnh nhân có nguy cơ mắc COVID-19 nguy kịch, có mức glucose máu cao hoặc rối loạn điều hòa glucose máu. Nồng độ glucose tăng lên sau đó trong dịch tiết bề mặt đường thở và trong tế bào, tạo điều kiện lý tưởng cho SARS-CoV-2 thoát khỏi khả năng bảo vệ bẩm sinh của phổi và tái tạo trong các tế bào phổi. Glucose trong máu cao cũng tạo

điều kiện cho tình trạng tăng viêm xảy ra trong cơn bão cytokin^{6,10}.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có mối liên quan giữa chỉ số SpO₂ của bệnh nhân với kết quả điều trị. Những bệnh nhân có kết quả SpO₂<94% có tỷ lệ điều trị nặng, chuyển tuyến cao hơn nhóm có SpO₂>94%. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p<0,05$. Kết quả thu được tương tự như nghiên cứu của tác giả Orwa Albata (2020)⁹.

KẾT LUẬN

Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, kết quả điều trị của bệnh nhân nghiên cứu

- Tuổi gặp nhiều nhất là 18-60. Tuổi trung bình là $50,59\pm 18,8$.
- Tỷ lệ mắc bệnh nữ nhiều hơn nam.
- Các bệnh nền hay gặp là tăng huyết áp (24,5%), bệnh hô hấp (16,2%) và đái tháo đường (7,1%).
- Biểu hiện lâm sàng hay gặp: Ho (82,7%); Tức ngực chiếm 46,9%; Đau rát họng chiếm 44,4%; Đau người chiếm 32,1%; Đau đầu chiếm 30,1%.
- Đa số bệnh nhân có xét nghiệm công thức máu trong giới hạn bình thường. Có 32,2% bệnh nhân có nồng độ glucose máu cao.
- 93,9% bệnh nhân có kết quả điều trị là khỏi bệnh.

Một số yếu tố liên quan đến kết quả điều trị

Có mối liên quan giữa tuổi, tiền sử bệnh nền, chỉ số SpO₂ của bệnh nhân với kết quả điều trị ($p<0,05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ y tế. *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19*. Quyết định số 250/QĐ-BYT về việc hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19 ngày 28/01/2022. (Bộ y tế, Hà Nội, 2022).
2. Lê Văn Chí & cộng sự. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh nhân COVID-19 điều trị tại bệnh viện dã chiến

truyền nhiễm số 5. *Tạp chí Y Dược học quân sự* số 7, tr.68-79 (2022).

3. Nguyễn Đình Dũng & cộng sự. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh nhân COVID –19 có tổn thương phổi điều trị tại Bệnh viện dã chiến – Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương”. *Tạp chí Y học Việt Nam* số 1, (2022).

4. Trần Văn Giang, Nguyễn Thị Ngọc. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh nhân viêm phổi do COVID – 19 điều trị tại Bệnh viện Nhiệt đới Trung Ương. *Tạp chí y học Việt Nam* số 1, tr.348-351, (2022).

5. Đoàn Lê Minh Hạnh & cộng sự. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh nhân COVID-19 nhập viện. *Tạp chí Y học Việt Nam* số 1, tr5-10, (2022).

6. Hoàng Thị Lan Hương. Đặc điểm lâm sàng và các dấu ấn sinh học tiên lượng của bệnh nhân COVID – 19. *Tạp chí y học lâm sàng* số 79, tr.27-34, (2022).

7. Nguyễn Công Long & cộng sự. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ở bệnh nhân COVID-19 có triệu chứng đường tiêu hóa. *Tạp chí y học lâm sàng* 108 số 17, tr.24-29,(2022).

8. Phạm Minh Tuấn, Trần Văn Giang, Phạm Ngọc Thạch. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và các yếu tố tiên lượng tử vong bệnh nhân COVID-19 mức độ nặng, nguy kịch. *Tạp chí Y học Việt Nam* số 1, tr.124-129, (2022).

9. Albitar O, Ballouze R, Ooi J.P et al. Risk factors for mortality among COVID-19 patients”. *Diabetes research and Clinical practice* vol 166, (2020).

10. Schalekamp S, Huisman M, van Dijk RA, et al. Model-based Prediction of Critical Illness in Hospitalized Patients with COVID-19. *Radiology* 298(1):E46-e54, (2021).

11. Zhang C, Shi L and Wang F-S, “Liver injury in COVID-19: management and challenges”, *The lancet Gastroenterology & hepatology* vol 5, 428-430 (2020).